

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT FDI CHẤT LƯỢNG CAO TỪ EU

Ths. Nguyễn Trần Minh Trí*

Chiếm 1/4 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ ba, đồng thời là một trong hai thị trường xuất khẩu và xuất siêu lớn nhất của Việt Nam.

EU cũng là nhà đầu tư lớn vào Việt Nam. Hiện có 24 trong số 28 nước EU đã có dự án đầu tư vào Việt Nam, với trên 2000 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 25 tỷ USD. Các nhà đầu tư EU đã có mặt tại hầu hết các ngành kinh tế và các địa phương quan trọng của Việt Nam, tập trung nhiều nhất vào công nghiệp, xây dựng và một số ngành dịch vụ.

Đặc biệt, hiệp định EVFTA và EVIPA được ký kết hứa hẹn dòng vốn FDI từ EU sẽ có sức tăng trưởng đột phá trong thời gian tới.

• Từ khóa: thu hút, FDI, EU.

Occupying a quarter of Vietnam's exports, the EU is currently the third largest trading partner, and is one of Vietnam's two largest export and trade surplus markets.

The EU is also a major investor in Vietnam. Currently, 24 out of 28 EU countries have invested in Vietnam in the South, with over 2000 valid projects, the total registered investment capital is over 25 billion USD. EU investors has been present in most important economic sectors and localities of Vietnam, with the greatest concentration into industry, construction and some service industries.

In particular, the EVFTA and EVIPA agreements signed promise that FDI inflows from the EU will have breakthrough growth in the coming time.

• Keywords: attracting, FDI, EU.

Ngày nhận bài: 4/9/2019

Ngày chuyển phản biện: 6/9/2019

Ngày nhận phản biện: 19/9/2019

Ngày chấp nhận đăng: 23/9/2019

Trong vòng 10 năm, kể từ năm 1988 Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam có hiệu lực, FDI từ EU đã tăng 12 lần, từ 186,959 triệu USD lên 2,24 tỷ USD năm 1997, chiếm 13,8% tổng số vốn đăng ký FDI vào Việt Nam năm 1997. Riêng FDI từ Anh tăng mạnh, lần lượt từ 0,99% và 0,11% năm 1995 và 1997 lên mức 8,43% và 19,06% tổng số vốn đăng ký từ EU năm 1998 và 1999. Những năm 2000 - 2001, FDI từ EU trở thành nguồn đầu tư quan trọng của

Việt Nam, chiếm khoảng 38% tổng giá trị vốn FDI đăng ký. Đặc biệt, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, FDI đăng ký từ EU đã tăng vọt từ mức 5,41 tỷ USD vào năm 2007, lên 10,49 tỷ USD vào năm 2008, tức tăng 93,89% và chiếm 16,4% trên 64 tỷ USD tổng vốn FDI đăng ký kỷ lục của cả năm 2008. Với 1,88 tỷ USD tổng vốn đăng ký mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần năm 2018, tổng cộng hiện EU có gần 25 tỷ USD của hơn 2000 dự án FDI còn hiệu lực ở Việt Nam. Hà Lan, Pháp, Luxembourg, Đức... là nhóm các nhà đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam trong số các nước thành viên EU. Điểm nhấn của các dự án FDI từ EU là đa số có chất lượng cao, tiêu biểu trong đó có những dự án đầu tư vào công nghệ cao từ các tập đoàn Ericsson, ABB, Bosch. Hơn nữa, các nhà đầu tư châu Âu được đánh giá là mạnh về dịch vụ hơn sản xuất hàng hóa, nên trong bối cảnh các chuỗi giá trị sản xuất đang thay đổi hiện nay, việc đón nhận vốn đầu tư FDI từ EU càng trở nên quan trọng cho cả Việt Nam lẫn các nước EU.

Có thể nói, cộng đồng doanh nghiệp EU từ lâu đã quan tâm và ngày càng coi Việt Nam là điểm đến đầu tư ưu tiên trong khu vực. Đặc biệt, Hiệp định thương mại tự do EVFTA và Hiệp định bảo hộ đầu tư EVIPA với tư cách là các hiệp định toàn diện và có chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới đã được ký kết. Nội dung của Hiệp định bảo hộ đầu tư EVIPA bao gồm cam kết sẽ dành đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc với đầu tư của nhà đầu tư ở cả hai bên, với một số ngoại lệ, cũng như sự đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn và đầy đủ, cho phép tự do chuyển vốn và lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài, cam kết không trưng thu, quốc hữu hóa tài sản của

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

nhà đầu tư mà không có bồi thường thỏa đáng, cam kết bồi thường thiệt hại phù hợp cho nhà đầu tư của bên kia tương tự như nhà đầu tư trong nước hoặc của bên thứ ba trong trường hợp bị thiệt hại do chiến tranh, bạo loạn... đã cơ bản bảo vệ được lợi ích của các nhà đầu tư. Nếu tuân thủ tốt và đáp ứng được các điều kiện của EVIPA, Việt Nam sẽ không chỉ thu hút thuận lợi dòng vốn FDI từ châu Âu, mà còn từ nhiều đối tác khác ngoài EU. Nói cách khác, EVIPA và EVFTA được kỳ vọng đang và sẽ tiếp tục tạo xung lực tích cực cho cả tăng cường thương mại Việt Nam-EU, cũng như thu hút FDI chất lượng cao từ EU vào Việt Nam.

Quá trình thu hút FDI nói chung và từ EU nói riêng đã góp phần bổ sung động lực tăng trưởng kinh tế, tăng thu NSNN, thúc đẩy quá trình tái cấu trúc nền kinh tế theo mô hình phát triển dựa trên công nghệ hiện đại, hàm lượng tri thức cao, giải quyết việc làm và cải thiện thu nhập cho hàng triệu lao động... Tuy nhiên, nguồn vốn FDI từ EU vẫn chưa được khai thác như mong đợi. Doanh nghiệp EU thường khó đầu tư vào các lĩnh vực mà mình có thế mạnh, do gặp không ít hạn chế về sự minh bạch và thuận lợi trong thủ tục nói riêng và quản lý nhà nước nói chung về FDI, cũng như yêu cầu về chất lượng lao động đào tạo và các điều kiện về cơ sở hạ tầng... Hơn nữa, trước khi EVIPA có hiệu lực, nguyên tắc giải quyết tranh chấp qua cơ chế trọng tài khiến nhà đầu tư EU cảm thấy rủi ro hơn khi đầu tư, do họ thường trú trọng các điều khoản pháp lý. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp thông qua cơ chế thường trực hai cấp được quy định trong EVIPA sẽ tạo được sự tự tin cho các doanh nghiệp EU tham gia đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư châu Âu nói chung còn khá thiếu thông tin về thị trường Việt Nam. Từ những vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách, quyền lao động và trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, cho đến việc công nhận trong ngành ô tô, và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các sản phẩm như bia, rượu. Đây là vấn đề không chỉ về quảng bá thông tin, mà còn do những khác biệt về cơ chế quản lý, chính sách đã phần nào làm chùn bước các nhà đầu tư.

Vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Ngân hàng Thế giới hỗ trợ xây dựng chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới cho Việt Nam giai đoạn 2018-2030. Điểm nhấn chính của “chiến lược thu hút FDI thế hệ mới” là sự chuyển dịch trọng tâm từ thu hút nhà đầu tư phù hợp cho “sản phẩm” của Việt Nam sang phát triển sản phẩm phù hợp (tức là môi trường kinh doanh và điều kiện đầu tư phù hợp) cho loại hình đầu tư mà Việt Nam

cần trong tương lai, nhờ đó có thể tăng tối đa hiệu ứng lan toả và giá trị gia tăng của FDI.

Đặc biệt, theo tinh thần Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, việc thu hút FDI vào Việt Nam sẽ được xiết chặt, chọn lọc hơn, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường, gắn chặt với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh là tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu... Cả nước phấn đấu thu hút FDI với giai đoạn 2021 - 2025 vốn đăng ký khoảng 150 - 200 tỷ USD (30 - 40 tỷ USD/năm) và vốn thực hiện khoảng 100 - 150 tỷ USD (20 - 30 tỷ USD/năm); giai đoạn 2026 - 2030, số liệu tương ứng là khoảng 200 - 300 tỷ USD (40 - 50 tỷ USD/năm) và khoảng 150 - 200 tỷ USD (30 - 40 tỷ USD/năm). Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường, hướng đến công nghệ cao tăng 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 so với năm 2018. Tỷ lệ nội địa hoá tăng từ 20 - 25% hiện nay, lên mức 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030. Tỷ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động từ 56% năm 2017 lên 70% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

Với tinh thần đó, việc thu hút các dự án chất lượng cao từ EU vào Việt Nam sẽ là lựa chọn ưu tiên và có thêm nhiều động lực mới.

Đặc biệt, để tăng cường thu hút FDI chất lượng cao từ EU vào Việt Nam trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp nổi bật sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng môi trường thể chế, quy hoạch, quảng bá và xúc tiến đầu tư FDI

Dòng vốn FDI từ EU là động lực lớn thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính của Việt Nam. Điều này xuất phát từ việc doanh nghiệp EU nói chung rất coi trọng pháp quyền và có yêu cầu về chất lượng thể chế rất mạnh mẽ. Vì vậy, theo tinh thần Nghị quyết 50-NQ/TU, Nhà nước không chỉ tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhà đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp, mà còn cần thúc đẩy quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế và hài hòa với các cam kết quốc tế, bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, công khai, minh bạch và tính cạnh tranh cao; tạo lập môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh thuộc nhóm ASEAN 4 trước

năm 2021, thuộc nhóm ASEAN 3 trước năm 2030. Theo đó, các ban ngành cần phối hợp trong công tác soạn thảo và đồng bộ hệ thống pháp lý và quản lý được hoàn thiện theo chuẩn quốc tế. Đặc biệt, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Chính phủ là nhanh chóng thực hiện việc hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật đầu tư kinh doanh trong đó có nội dung liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là yếu tố giúp nâng cao năng lực cạnh tranh về thể chế và môi trường kinh doanh của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh các nhà đầu tư quốc tế đang liên tục tìm kiếm các thị trường mới ngoài Trung Quốc. Nền tảng pháp lý ưu việt sẽ truyền cảm hứng cho nhà đầu tư tin tưởng và cam kết đầu tư lâu dài.

Thời gian tới, cần khẩn trương rà soát và hoàn thiện quy hoạch quốc gia về thu hút FDI, với định hướng ưu tiên thu hút các dự án FDI có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu và có tác động lan tỏa; gắn kết hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, năng suất và tính cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội. Đây là nội dung trọng tâm, cần được phổ biến và quảng bá rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp không chỉ của Việt Nam, mà còn của cả EU. Cơ quan xúc tiến đầu tư FDI cần được chuyên trách hóa và đưa ra được danh mục dự án thu hút đầu tư phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp EU, nhất là trong các lĩnh vực sở trường của họ là công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính, ngân hàng và viễn thông, vận tải, phân phối...

Để giảm sự phân bố không đồng đều của các dự án FDI về mặt địa lý, trong chính sách ưu đãi đầu tư cần tránh tạo khoảng cách quá lớn giữa các trung tâm thu hút đầu tư nước ngoài với các tỉnh, thành đang khó khăn. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục, điều kiện đầu tư, khái niệm về các hoạt động đầu tư, về danh mục địa bàn, lĩnh vực, đối tượng được áp dụng ưu đãi đầu tư trong các luật về đầu tư nước ngoài và các luật có liên quan để thống nhất trong thực hiện và bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, cần xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Xây dựng cơ chế khuyến

khích, ưu đãi thỏa đáng để tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Khuyến khích chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp Việt Nam. Có chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho lao động Việt Nam; sử dụng người lao động Việt Nam đã làm việc, tu nghiệp ở các quốc gia tiên tiến. Nghiên cứu xây dựng cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển cơ sở hạ tầng cho khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Cần tạo điều kiện giúp đỡ các doanh nghiệp và người lao động từ những tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên tiếp cận được các chương trình, nguồn lực hỗ trợ từ EU do bản thân các nhà đầu tư EU cũng luôn quan tâm đến vấn đề xóa bỏ bất bình đẳng xã hội và đói nghèo.

Thứ hai, kiên quyết ngăn chặn các dự án FDI chất lượng thấp

Các cơ quan chức năng cần sớm nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng “vốn mòng”, chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng”; bổ sung quy định “điều kiện về quốc phòng, an ninh” trong quá trình xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc các văn bản có giá trị pháp lý tương đương) đối với dự án đầu tư mới và quá trình xem xét, chấp thuận đối với hoạt động đầu tư thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp. Xây dựng cụ thể danh mục hạn chế, không thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với các cam kết quốc tế; ngoài danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được đối xử bình đẳng như nhà đầu tư trong nước. Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn. Xây dựng cơ chế đánh giá an ninh và tiến hành rà soát an ninh đối với các dự án, hoạt động đầu tư nước ngoài có hoặc có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau. Có chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ dựa trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện. Áp dụng nguyên tắc ưu đãi đầu tư gắn với việc đáp ứng các điều kiện, cam kết cụ thể và cơ chế hậu kiểm, yêu cầu bồi hoàn khi vi phạm các cam kết. Nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên và tiết kiệm năng lượng phù

hợp với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới. Không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. Sửa đổi, bổ sung quy định bảo đảm quyền, nghĩa vụ, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, vốn đầu tư, thu nhập và lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư và chủ thể có liên quan, phù hợp với các cam kết quốc tế. Đồng thời có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm. Sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về lao động, việc làm và tiền lương, bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động theo hướng minh bạch, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Quy định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư hạ tầng, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, trường mẫu giáo, cơ sở y tế, văn hoá, thể thao,... phục vụ người lao động. Quy định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư về bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư, triển khai dự án và hoạt động của doanh nghiệp trong suốt thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Rà soát, hoàn thiện các quy định về chống độc quyền phù hợp với thông lệ quốc tế; về đáp ứng điều kiện tập trung kinh tế theo pháp luật cạnh tranh; về bảo đảm quốc phòng, an ninh khi nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp tại Việt Nam. Xây dựng Luật chống chuyển giá và cơ quan chuyên trách bảo đảm kiểm soát, quản lý, ngăn chặn chuyển giá ngay từ khi thành lập và trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế phòng ngừa và giải quyết vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện của nhà đầu tư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế giải quyết tranh chấp và thực thi. Hoàn thiện pháp luật để giải quyết có hiệu quả những vướng mắc đối với dự án có cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản của nhà đầu tư nước ngoài cho Nhà nước hoặc bên Việt Nam sau khi kết thúc hoạt động và xử lý các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài vắng mặt hoặc bỏ trốn trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Nghiêm cấm việc cấp, điều chỉnh, quản lý, đàm phán dự án đầu tư nước ngoài, ban hành quy định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư... trái thẩm quyền, trái quy định pháp luật. Việc đàm phán, thoả thuận các cam kết bảo lãnh chính phủ (GGU), ký hợp đồng BOT, bao tiêu sản phẩm... phải thực hiện đúng quy định pháp luật. Chấn chỉnh công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, phù hợp quy hoạch, theo đúng các tiêu chí lựa chọn, sàng lọc dự án... Bảo đảm chặt chẽ về quy trình, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi, chấm dứt

hoạt động của dự án đầu tư nước ngoài theo đúng quy định pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan tới đầu tư nước ngoài. Xử lý dứt điểm các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, kinh doanh thua lỗ nhiều năm, dự án không thực hiện đúng cam kết. Phòng ngừa, giải quyết sớm, có hiệu quả các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, coi trọng phát triển doanh nghiệp, cải thiện các điều kiện hạ tầng, chất lượng nhân lực và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư khác

Các doanh nghiệp trong nước cần chủ động nghiên cứu, tiếp cận các doanh nghiệp EU để hiểu và đáp ứng nhu cầu của đối tác.

Đầu tư cơ sở hạ tầng là yếu tố tối quan trọng trong việc thu hút FDI từ quốc tế nói chung và EU nói riêng. Đặc biệt, nguồn nhân lực trẻ có kỹ năng sử dụng internet lớn, phân tích dữ liệu, giỏi công nghệ thông tin và nắm bắt nhanh các xu hướng công nghệ mới... là những lợi thế cần tiếp tục phát huy để thu hút hơn nữa nguồn vốn từ EU. Kịp thời ban hành các quy định điều chỉnh các quan hệ kinh tế mới, các mô hình, phương thức kinh doanh mới... tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư và hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước. Công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thị trường,... Tăng cường cơ chế đối thoại, đối mới, mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư; xử lý dứt điểm, kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đang thực hiện.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia về đầu tư đồng bộ, liên thông với các lĩnh vực lao động, đất đai, thuế, hải quan, tín dụng, ngoại hối... và các địa phương. Nâng cao chất lượng công tác thống kê, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và phù hợp với thông lệ quốc tế. Phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bình chọn, vinh danh các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; định kỳ bình chọn, vinh danh các nhà đầu tư nước ngoài tiêu biểu.

Tài liệu tham khảo:

Luật đầu tư nước ngoài.

Báo cáo DTNC của Bộ KH và DT.

Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về việc nâng cao chất lượng hiệu quả đầu tư hợp tác nước ngoài.